TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *****	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *********

Bản án số: **64**/2020/DS-ST
Ngày: 28-7-2020
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 51/2020/TLST–DS ngày 23/4/2020 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 10/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-DS ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng V.

Địa chỉ: quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng V. Đại diện theo ủy quyền: Phó Giám đốc Trung tâm Pháp luật Ngân hàng V *(Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/03/2018)*, ông NVN – Cán bộ Ngân hàng V.

**** Bị đơn:*** Ông PXH, sinh năm 1971.

Bà NTT, sinh năm 1975.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: xóm A, thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà NTT ủy quyền cho ông PXH (Theo Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã T ngày 20/5/2020).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

01. Bà NTX, sinh năm 1952.

Bà NTX ủy quyền cho ông PXH (Theo Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã T ngày 20/5/2020).

02. Anh NVT1, sinh năm 1980 *(Con bà X)*

Anh NVT1 ủy quyền cho ông PXH (Theo Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã T ngày 20/5/2020).

03. Chị NTH1, sinh năm 1981 *(Vợ anh T1)*

04. Cháu NTH2, sinh năm 2003 *(Con anh T1 + chị H1)*

Người đại diện theo pháp luật của cháu NTH2 là anh NVT1, chị NTH1 (bố mẹ đẻ).

05. Anh NVT2, sinh năm 1988 *(Con bà X)*

06. Chị BTT3, sinh năm 1999 *(Vợ anh T2)*

07. Cháu NGH3, sinh năm 2018 *(Con anh T2 + chị T3)*

Người đại diện theo pháp luật của cháu NGH3 là anh NVT2, chị BTT3 (bố mẹ đẻ).

Anh NVT2, chị BTT3 đều ủy quyền cho ông PXH (Theo Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã T ngày 20/5/2020).

08. Anh NVM, sinh năm 1982 *(Con bà X)*

09. Chị NTH4, sinh năm 1985*(Vợ anh M)*

10. Cháu NTH5, sinh năm 2012

Người đại diện theo pháp luật của cháu NTH5 là anh NVM, chị NTH4 (bố mẹ đẻ).

Đều cư trú tại: thôn V, xã T, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Tại phiên tòa

Có mặt: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V (Ngân hàng V) là ông NVN và ông PXH.

Vắng mặt: Chị NTH1, anh NVM, chị NTH4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng V (gọi tắt là Ngân hàng V) ông NVN trình bày:*

Về Hợp đồng tín dụng: Ngày 11/8/2014, giữa Ngân hàng V – Chi nhánh Thăng Long – Phòng giao dịch Trần Thái Tông *(gọi tắt là Ngân hàng V)* với ông PXH và vợ là bà NTT ký Hợp đồng tín dụng số 1634097 với nội dung vợ chồng ông H + bà T vay vốn tại Ngân hàng V số tiền 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm nội thất; lãi suất: Do các bên thỏa thuận trong Khế ước nhận nợ.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014, Ngân hàng V đã giải ngân cho vợ chồng ông H + bà T số tiền 300.000.000 đồng theo Khế ước nhận

nợ số 1634097 ngày 11/8/2014 số tiền 300.000.000 đồng; *Thời hạn vay:* 60 tháng, từ 11/8/2014 đến 11/8/2019; lãi suất: 5%/năm trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh vào ngày 11/02/2015, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 01/4/2015.

Tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay trên tại Ngân hàng V, ngày 04/8/2014, bà NTT đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 467060, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00620 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2013)* mang tên bà NTT. Hợp đồng thế chấp công chứng số 2464/2014, quyển số: 02-2014, ngày 04/8/2014 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô có địa chỉ tại: Số 70, phố Trung Hòa, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. Được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

* Ngày 20/7/2015, giữa Ngân hàng V – Chi nhánh Thăng Long – Phòng giao dịch Trần Thái Tông với ông PXH ký Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 3972870 với nội dung ông PXH vay Ngân hàng V số tiền 45.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 20/7/2015 đến ngày 20/7/2020; mục đích vay: Mua sắm dụng cụ gia đình; lãi suất vay: 20%/năm. Ngân hàng V đã giải ngân cho ông PXH sô tiền 45.000.000 đồng.

* Ngày 25/3/2015, ông PXH ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với số tiền vay: 31.000.000 đồng. Ngân hàng V đã giải ngân cho ông PXH số tiền 31.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông PXH, bà NTT đã trả được cho Ngân hàng V tổng số tiền gốc của 03 khoản vay nêu trên là: Tiền gốc 120.766.034 đồng; tiền lãi 58.528.909 đồng. Sau đó ông PXH, bà NTT vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V.

Theo đơn khởi kiện, tạm tính đến ngày 30/8/2018, ông PXH, bà NTT còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 362.455.522 đồng *(Ba trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi hai đồng).*

Nay, Ngân hàng V xin rút khoản tiền phạt đối với khoản vay 45.000.000 đồng với số tiền là 52.809.092 đồng và rút khoản tiền phạt đối với khoản vay 300.000.000 đồng số tiền là 53.464.603 đồng.

Đến nay, sau khi trừ đi khoản tiền phạt, tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 ông PXH, bà NTT còn nợ Ngân hàng V đối với 03 khoản nợ nêu trên tổng số tiền là 437.425.044 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là: 204.112.416 đồng *(trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng).*

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông PXH, bà NTT phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ 03 khoản nợ tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 tổng số tiền là 437.425.044 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là: 204.112.416 đồng *(Trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng)*.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính tiền lãi và tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phí phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 02/6/2020 cho đến ngày ông PXH, bà NTT thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

Trường hợp ông PXH và bà NTT không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Ông PXH là bị đơn (ông PXH là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là bà NTT và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà NTX, anh NVT1, anh NVT2, chị BTT3) trình bày:* Ông thừa nhận, năm 2014, vợ chồng ông có vay vốn tại Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014, số tiền vay là 300.000.000 đồng; thời hạn vay, lãi xuất vay, mục đích vay như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V trình bày, Ngân hàng V đã giải ngân cho vợ chồng ông số tiền là 300.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 1634097 ngày 11/8/2014.

Đến năm 2015, ông tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 3972870 ngày 20/7/2015 với Ngân hàng V để vay tiếp số tiền 45.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng; mục đích mua sắm dụng cụ gia đình. Khoản tiền vay này phía Ngân hàng V đã giải ngân cho ông. Ngoài ra, ông còn đề nghị Ngân hàng V phát hành thẻ tín dụng với số tiền là 31.000.000đ vào năm 2015.

Để bảo đảm cho khoản vay, vợ ông là bà NTT đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 38, diện tích 1004,0m^2 tại địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 467060, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00620 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2013)* mang tên bà NTT. Thửa đất này là do bà T được gia đình tặng cho riêng.

Sau khi vay tiền, vợ chồng ông sử dụng khoản tiền vay để chăn nuôi lợn và đã trả được cho Ngân hàng tiền gốc hàng tháng theo đúng cam kết, đến năm 2016 thì do tình hình chăn nuôi gặp nhiều dịch bệnh nên việc chăn nuôi bị thua lỗ nên vợ chồng ông không trả được khoản tiền gốc, lãi theo cam kết nên khoản tiền vay của vợ chồng ông bị chuyển sang nợ quá hạn.

Ông đồng ý với việc Ngân hàng V xin rút khoản tiền phạt đối với khoản vay 45.000.000 đồng với số tiền là 52.809.092 đồng và rút khoản tiền phạt đối với khoản vay 300.000.000 đồng với số tiền là 53.464.603 đồng.

Đến nay, theo Ngân hàng V sau khi trừ đi khoản tiền phạt, tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng V đối với 03 khoản nợ tổng số tiền là 437.425.044 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là: 204.112.416 đồng *(trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng).* Ông thừa nhận khoản tiền còn nợ theo tính toán của Ngân hàng V.

Do điều kiện kinh tế đang khó khăn, vợ chồng ông đề nghị Ngân hàng V xem xét miễn giảm khoản tiền lãi và tạo điều kiện vợ chồng ông được trả dần khoản tiền gốc với Ngân hàng.

Những người đang sinh sống trên đất thế chấp hiện nay có: Bà NTX; anh NVT1; chị NTH1 *(vợ anh T1);* cháu NTH2 *(con anh T1 + chị H1);* anh NVT2 *(con bà X);* chị BTT3 *(vợ anh T2);* cháu NGH3 *(Con anh T2 + chị T3);* anh NVM *(Con bà X);* chị NTH4 *(Vợ anh M).*

** Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh NVM và chị NTH4 trình bày:*

Năm 2014, vợ chồng anh H, chị T (chị gái anh) có vay vốn tại Ngân hàng như thế nào thì anh, chị không nắm được, nay anh, chị mới biết vợ chồng chị T, anh H vay số tiền 300.000.000 đồng tại Ngân hàng V.

Để bảo đảm khoản cho khoản vay, vợ chồng chị T + anh H đã thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình có địa chỉ tại xóm A, thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ mang tên bà NTT.

Thửa đất này là của bố mẹ anh, việc sang tên một mình bà T là để tạo điều kiện cho vợ chồng bà T vay tiền chứ không phải cho bà T vì trên đất có anh em anh xây dựng nhà và hiện đang ở trên đất.

Sau khi vay tiền, do tình hình chăn nuôi gặp nhiều dịch bệnh nên việc chăn nuôi bị thua lỗ nên vợ chồng chị T, anh H không trả được tiền cho Ngân hàng V.

Nay Ngân hàng V khởi kiện đòi tiền gốc và tiền lãi, vợ chồng anh, chị đề nghị Ngân hàng V xem xét miễn giảm khoản tiền lãi và tạo điều kiện cho vợ chồng anh H, chị T được trả dần khoản tiền gốc với Ngân hàng V.

Tài sản trên đất thế chấp: Trước năm 2014 vợ chồng anh xây dựng nhà cấp 4 và công trình phụ trong khuôn viên đất được bố mẹ cho (nhưng vợ chồng anh chưa sang tên). Từ năm 2014 đến nay vợ chồng anh không xây dựng công trình gì trên đất.

Những người đang sinh sống trên đất hiện nay có: Vợ chồng anh, chị (NVM + NTH4) và 02 con là cháu NTH5, sinh năm 2012 và cháu gái sinh năm 2019 (chưa đặt tên).

Do vợ chồng anh, chị hiện bận đi làm không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy, anh, chị xin được vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án, mọi giấy tờ có liên quan anh, chị ủy quyền cho anh PXH và chị NTT (chị gái

anh) nhận thay cho anh, chị và anh H, chị T sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh, chị.

**** Ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự:***

+ Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng V:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V giữ nguyên quan điểm xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H, bà T phải trả khoản tiền phạt 52.809.092 đồng đối với khoản vay 45.000.000 đồng và rút khoản tiền phạt 53.464.603 đồng đối với khoản vay 300.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V yêu cầu ông H, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền còn nợ tạm tính đến hết 01/6/2020 đối với 03 khoản nợ với tổng số tiền là 437.425.044 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là: 204.112.416 đồng *(Trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng)* và buộc ông H, bà NTT phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ ngày 02/6/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng V. Trong trường hợp ông H, bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Việc miễn giảm khoản tiền lãi cũng như giãn thời hạn trả nợ sẽ được các bên thỏa thuận trong quá trình thi hành án sau khi phía Ngân hàng V xem xét thiện chí trả nợ của ông H, bà T.

+ Bị đơn - ông H + bà T đề nghị Ngân hàng V xem xét giãn thời gian trả nợ, miễn giảm khoản tiền lãi cho ông H + bà T và cho ông H + bà T trả dần khoản tiền gốc với Ngân hàng V.

**** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:***

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình; ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và bị đơn; ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- *Về khoản tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ:* Đề nghị chấp nhận đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc ông H, bà T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 đối với 03 khoản nợ nêu trên tổng số tiền là 437.425.044 đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là:

204.112.416 đồng *(Trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng)* và buộc ông H, bà T phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ ngày 02/6/2020.

- *Về xử lý tài sản bảo đảm:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông H + bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng V. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông H + bà T đối với Ngân hàng V. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H + bà T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng V.

- *Về án phí:* Bị đơn là ông H + bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn (Ngân hàng V) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền dự phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của bị đơn (bà NTT) và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bị đơn (bà NTT), những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà NTX, anh NVT1, anh NVT2, chị BTT3 đã có giấy ủy quyền cho ông PXH; anh NVM và chị NTH4 có ý kiến xin vắng mặt và ủy quyền cho ông PXH nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt, chị NTH1 vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 11/8/2014, giữa Ngân hàng V với vợ chồng ông PXH + bà NTT ký Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014 và Khế ước nhận nợ số 1634097 với số tiền vay là 300.000.000 đồng. Ngân hàng V đã giải ngân cho ông H, bà T số tiền là 300.000.000 đồng; ngày 20/7/2015, ông PXH với Ngân hàng V ký Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 3972870 với nội dung ông PXH vay Ngân hàng V số tiền 45.000.000 đồng, ông PXH đã được Ngân hàng V giải ngân cho vay số tiền 45.000.000 đồng; ngày 25/3/2015, ông PXH đã vay tiền tại Ngân hàng V theo Giấy

đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với số tiền vay 31.000.000 đồng, Ngân hàng V đã giải ngân cho ông H số tiền 31.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông H, bà T đã vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết và các cam kết trả nợ. Ngân hàng V khởi kiện tại Tòa án yêu ông H, bà T thanh toán khoản nợ. Bị đơn là ông H, bà T đều cư trú tại: xóm A, thôn T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu về quan hệ tín dụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng V và bên vay là ông PXH đều xác nhận toàn bộ nội dung thỏa thuận tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014 và Khế ước nhận nợ số 1634097 ngày 11/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 3972870 ngày 20/7/2015 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2015; ông PXH thừa nhận đã được Ngân hàng V giải ngân các khoản vay nên xác định các thỏa thuận tín dụng giữa Ngân hàng V với vợ chồng ông PXH, bà NTT đã được thực hiện.

[2.2]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014 và Khế ước nhận nợ số 1634097 ngày 11/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 3972870 ngày 20/7/2015 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2015 được các bên *(ông PXH và Ngân hàng V)* thừa nhận, Hợp đồng các bên tự nguyện thỏa thuận ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông PXH + bà NTT đã vi phạm các thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng đã ký và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện buộc bên vay là ông H, bà T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trước hạn và yêu cầu ông H, bà T phải trả khoản tiền gốc còn nợ, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và trước khi mở phiên tòa, Nguyên đơn - Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt đối với khoản vay 45.000.000 đồng số tiền là 52.809.092 đồng và rút khoản tiền phạt đối với khoản vay 300.000.000 đồng số tiền là 53.464.603 đồng và khoản tiền phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 02/6/2020 cho đến khi ông H, bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc. Xét việc rút khoản tiền phạt của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Ngân hàng V đã xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện về khoản tiền ông H, bà T còn nợ (gốc, lãi) tạm tính đến hết ngày 01/6/2020. Do vậy, cần buộc ông H, bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 tổng số tiền là **437.425.044** đồng. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là: 204.112.416 đồng *(trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng)*.

Kể từ ngày 02/6/2020, ông H, bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014 và Khế ước nhận nợ số 1634097 ngày 11/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 3972870 ngày 20/7/2015 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

[2.3]. Về tài sản bảo đảm: Biện pháp bảo đảm tiền vay được quy định tại Điều 3 – Biện pháp bảo đảm tiền vay của Hợp đồng tín dụng và nội dung chi tiết được thực hiện theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2464/2014, quyển số: 02-2014 ngày 04/8/2014 giữa bên thế chấp là bà NTT với bên nhận thế chấp là Ngân hàng V. Đối tượng bảo đảm tín dụng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 467060, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00620 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2013)* mang tên bà NTT.

[2.4]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2464/2014, quyển số: 02-2014, ngày 04/8/2014 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô: Hợp đồng thế chấp nêu trên có nội dung và hình thức tuân thủ đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm. Theo đó, các thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Đối với các công trình trên đất do những người đang sinh sống trên đất xây dựng trước và sau khi thế chấp: Tại điểm e khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp nêu rõ *"e. Bên thế chấp cam kết và xác nhận rằng mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 Hợp đồng này đều thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho các nghĩa vụ nêu tại Điều 2 Hợp đồng này."* nên các tài sản và công trình trên đất được hình thành trước và sau thời điểm thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp.

Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng V được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án

Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận. Trong trường hợp ông H, bà T không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ: Trên đất thế chấp có bà NTX, anh NVT1, chị NTH1, cháu NTH2 *(Con anh T1 + chị H1)*, anh NVT2, chị BTT3, cháu NGH3, *(Con anh T2 + chị T3)*, anh NVM, chị NTH4, cháu NTH5 *(Con anh M + chị H4)* đang sinh sống trên đất. Theo đó: bà NTX, anh NVT1, chị NTH1, cháu NTH2 *(Con anh T1 + chị H1)*, anh NVT2, chị BTT3, cháu NGH3, *(Con anh T2 + chị T3)*, anh NVM, chị NTH4, cháu NTH5 *(Con anh M + chị H4)* cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (nếu có phát sinh thêm) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông H, bà T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng V.

[3]. Về án phí.

+ Ông H + bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán trả Ngân hàng V là 21.497.002 đồng.

+ Ngân hàng V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 9.000.000 đồng dự phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 342, 343, 355, 357, 471, 474, 476 và các Điều từ 715 đến 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 113, 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

1. Chấp nhận đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc không yêu cầu ông PXH, bà NTT phải trả khoản tiền phạt 52.809.092 đồng đối với khoản vay 45.000.000 đồng và khoản tiền phạt 53.464.603 đồng đối với khoản vay 300.000.000 đồng và khoản tiền phạt phát sinh kể từ ngày 02/6/2020 cho đến khi ông PXH, bà NTT thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông PXH, bà NTT về yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và dành quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Buộc ông PXH, bà NTT phải trả cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 01/6/2020 đối với 03 khoản nợ tổng số tiền là 437.425.044 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng)*. Trong đó: Tiền gốc là: 233.312.628 đồng; Lãi là: 204.112.416 đồng *(trong đó: lãi trong hạn là: 2.599.732 đồng, lãi quá hạn là 201.512.684 đồng)*.

Kể từ ngày 02/6/2020, ông PXH, bà NTT phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1634097 ngày 11/8/2014 và Khế ước nhận nợ số 1634097 ngày 11/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 3972870 ngày 20/7/2015 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 25/3/2015 cho đến khi ông PXH, bà NTT thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

4. Trong trường hợp ông PXH, bà NTT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 38, tại địa chỉ: thôn V, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội *(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 467060, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 00620 do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2013)* mang tên bà NTT để thu hồi nợ.

Theo đó: Ông PXH, bà NTT (bên thế chấp) và bà NTX, anh NVT1, chị NTH1, cháu NTH2 *(con anh T1 + chị H1)*, anh NVT2, chị BTT3, cháu NGH3 *(con anh T2 + chị T3)*, anh NVM, chị NTH4, cháu NTH5 *(Con anh M + chị H4)* cùng những người đang sinh sống trên thửa đất (nếu có phát sinh thêm) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông PXH, bà NTT vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

5. Về án phí:

+ Ông PXH, bà NTT phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 21.497.002 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm linh hai đồng).*

+ Ngân hàng V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)* dự phí đã nộp *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004678 ngày 03/4/2020)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng V và ông PXH (ông PXH là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà NTT và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà NTX, anh NVT1, anh NVT2, chị BTT3) được quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị NTH1, anh NVM, chị NTH4 có quyền kháng cáo trong hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *TAND Tp.Hà Nội;*
- *VKSND H.Chương Mỹ;*
- *Chi cục THA H.Chương Mỹ;*
- *Lưu HSVA – VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Long